TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 16/01/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Vô
2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Nguyễn Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 261/2023/QĐST-DS ngày 29/12/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số A đường L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/ Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1982 (có mặt)

2/ Bà Trương Thị T1, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số H chung cư O, khu phố D, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2022 lập tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn:* Bà Lư Thị Ái L, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số G đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số A đường L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thùy M theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 24/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án có người đại diện hợp pháp trình bày:* Đầu năm 2019 vì bản thân bà Lư Thị Ái L không thể trực tiếp đứng ra vay tiền nên bà L đã nhờ mẹ của bà là bà Nguyễn Thị V (gọi theo tên chồng là "bà T2") đứng ra vay tiền giùm và bà L cũng biết rõ lãi suất phải trả khi vay là 7%/tháng đến 8%/tháng. Do nhà bà và nhà bà L ở gần nhau và nghe bà L kể về hoàn cảnh của mình, đồng thời bà L có hứa sẽ bán đất của mình ở huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho các khoản nợ nhờ bà T2 vay giùm nên bà T2 đã đồng ý đứng ra vay giúp cho bà L và yêu cầu bà L phải trả nợ đúng hạn vì bản thân bà cũng không có nguồn thu nhập. Tổng số tiền mà bà T2 đã đứng ra vay giùm và đưa cho bà L là 1.730.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng), tiền lãi phát sinh đến ngày 23/10/2020 là 1.702.562.500 đồng (Một tỷ bảy trăm hai mươi triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) cụ thể:

TT	Nguồn gốc tiền mượn đưa bà Liên	Tổng số tiền bà Liên đã nhận	Ngày nhận tiền (D/M/Y)	Thỏa thuận lãi suất/tháng			Tổng thời gian tính lãi		Tiền lãi phát sinh
				Lãi suất	Ngày đóng lãi (D/M/Y)	Số tiền lãi/tháng	Ngày xác nhận	Tổng số tháng	
1	Nga	200,000,000	05/06/2019	7%	Ngày 6 dương hàng tháng	14,000,000	23/10/2020	16.50	231,000,000
2	Vân Đấu	100,000,000	01/01/2019	7%	Ngày 1 dương hàng tháng	7,000,000	23/10/2020	21.75	152,250,000
3	Vân Đấu	200,000,000	21/03/2019 âm lịch	8%	Ngày 21 âm hàng tháng	16,000,000	23/10/2020	15.50	248,000,000

4	Hoàn	100,000,000	01/05/2019	4%	Ngày 1 dương hàng tháng	4,000,000	23/10/2020		0[1]
5	Đặng	100,000,000	09/05/2019	8%	Ngày 9 dương hàng tháng	8,000,000	23/10/2020	14.75	118,000,000
6	Đặng	100,000,000	29/5/2019	7%	Ngày 29 dương hàng tháng	7,000,000	23/10/2020	13.75	96,250,000
7	Hằng	100,000,000	20/4/2019	7%	Ngày 20 dương hàng tháng	7,000,000	23/10/2020	17.00	119,000,000
8	Toán	80,000,000	13/4/2019	7%	Ngày 13 dương hàng tháng	5,600,000	23/10/2020	16.25	91,000,000
9	Toán	50,000,000	21/4/2019	7%	Ngày 21 dương hàng tháng	3,500,000	23/10/2020	18.00	63,000,000
10	Hương	100,000,000	23/5/2019	7%	Ngày 23 dương hàng tháng	7,000,000	23/10/2020	15.00	105,000,000
11	Vân Đấu	150,000,000	11/06/2019 âm lịch	7.50 %	Ngày 11 âm hàng tháng	11,250,000	23/10/2020	13.75	154,687,500[2]
12	Bạn Vân	200,000,000	09/06/2019 âm lịch	8%	Ngày 9 âm hàng tháng	16,000,000	23/10/2020	15.00	240,000,000
13	Mai	250,000,000	01/4/2020	5%	Ngày 1 dương	12,500,000	23/10/2020	6.75	84,375,000[2]

[1] Lãi trả riêng Hoàn
[2] Làm tròn tiền lãi là 84.000.000 VNĐ

					hàng thán				
Tổng		**1,730,000,000**							**1,702,562,500** 4

Do bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền lãi, tiền gốc đối với số tiền đã nhận từ bà T2 nên gia đình bà phải chịu rất nhiều áp lực từ những người cho vay, buộc gia đình bà phải chạy vay tiền khắp nơi để thanh toán cho các khoản nợ này thậm chí bán nhà để trả nợ cho những người mà bà T2 đã vay giúp cho bà L.

Vào ngày 23/10/2020, bà M, bà T2 và bà L đã thỏa thuận về việc bà M sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và tiền lãi đối với số tiền mà bà T2 đã vay giúp cho bà L. Trong thời gian bà L nhờ bà T2 vay tiền cho đến trước ngày 23/10/2020, bà L đã trả cho bà T2 số tiền 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng) nên tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà bà L còn thiếu tạm tính đến ngày 23/10/2020 là 3.188.000.000 đồng (Ba tỷ, một trăm tám mươi tám triệu đồng). Sau đó, bà L có trả thêm 88.000.000 đồng (T3 mươi tám triệu đồng) nên tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/10/2020 là 3.100.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm triệu đồng). Hai bên đã xác nhận bằng Giấy vay tiền ngày 23/10/2020. Hai bên thỏa thuận bà L phải thanh toán toàn bộ số tiền này cho bà M trong thời hạn 04 tháng (tức đến ngày 23/02/2021).

Đến ngày 15/12/2020, bà L đã thanh toán cho bà M số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Theo đó tổng số tiền nợ gốc mà bà L còn thiếu bà là 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi đến hạn thanh toán theo thỏa thuận tại Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 tính đến nay đã 13 (mười ba) tháng mặc dù bà đã nhiều lần liên hệ với bà L để yêu cầu bà L trả số tiền nói trên nhưng bà L luôn tìm mọi cách tránh né, cố tình kéo dài thời hạn trả nợ cho bà thậm chí không trả lời điện thoại của bà M. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu sau:

1. Buộc bà Lư Thị Á Liên hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy M số tiền nợ gốc còn thiếu theo Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 là: 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng).

2. Buộc bà Lư Thị Á Liên thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thùy M tiền lãi phát sinh từ ngày ký Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 tạm tính đến ngày 24/3/2022 là: 1.176.154.445 đồng (Một tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) trong đó:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong thời hạn vay (từ ngày 23/10/2020 đến ngày 15/12/2020 tức ngày bà L trả 150.000.000 đồng) với mức lãi suất là 20%/năm theo qui định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 là: 3.100.000.000 VNĐ x 20%/năm x 53 ngày = 90.027.397 đồng (Chín mươi triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

- Tiền lãi trên nợ gốc trong thời hạn vay từ ngày 15/12/2020 (bà L trả 150.000.000 đồng) đến ngày 23/02/2021 với mức lãi suất là 20%/năm theo qui định tại Điều 468 BLDS năm 2015 là: 2.950.000.000 đồng x 20%/năm x 69 ngày = 111.534.247 đồng (Một trăm mười một triệu, năm trăm ba mươi tư ngàn, hai trăm bốn mươi bảy đồng).

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 24/02/2021 tạm tính đến ngày 24/3/2022 với mức lãi suất 30%/năm theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 và Điều 468 BLDS năm 2015 là: (2.950.000.000 đồng x 20%/năm x 150%) x 393 ngày = 952.890.411 đồng (Chín trăm năm mươi hai triệu, tám trăm chín mươi ngàn, bốn trăm mười một đồng).

- Ngoài ra theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019, buộc bà L trả lãi trên nợ lãi theo mức suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 từ ngày 24/2/2021 tạm tính đến ngày 24/3/2022, cụ thể là (90.027.397 VNĐ + 111.534.247 VNĐ) x 10%/năm x 393 ngày = 21.702.391 đồng (Hai mươi mốt triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, ba trăm chín mươi mốt đồng).

Như vậy, tổng số tiền nguyên yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Lư Thị Ái L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy M bao gồm tiền gốc và tiền lãi phát sinh là 4.126.154.445 đồng (Bốn tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm năm mươi tư ngàn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) (tính đến ngày 14/3/2022).

** Bị đơn – bà Lư Thị Ái L trình bày:* Tháng 5/2019 do cần tiền để gửi cho con trai du học tại Mỹ nên bà có nhờ bà T2, địa chỉ 1 L, phường T, quận B (là mẹ của bà M) vay tiền giúp với số tiền là 1.427.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng) với lãi suất 7%/tháng. Mỗi tháng bà đã đóng lãi đầy đủ, đến tháng 4/2020 bà đã đóng lãi 100.000.000 đồng và trả tiền vốn gốc là 240.000.000 đồng. Do thân thiết nên giữa bà và bà T2 không làm giấy tờ gì về việc vay mượn. Tháng 10/2020, bà Nguyễn Thị Thùy M dẫn người đến với lý do mẹ bà M là bà T2 đã ủy quyền cho bà M xử lý nợ của bà, buộc bà ký vào giấy nợ, tổng cộng là 3.188.000.000 đồng, bà đã trả 88.000.000 đồng và 240.000.000 đồng.

Nay bà M khởi kiện bà đòi số tiền 3.100.000.000 đồng là sai sự thật, bà xác định có ký và lăn tay vào Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 nhưng nội dung trang 1 và trang 2 của giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp khác với nội dung giấy vay tiền bà đã ký.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị V trình bày:* Bà thống nhất với nội dung mà nguyên đơn khai về số tiền cho bà Lư Thị Ái L vay, bà xác định đã chuyển giao quyền đối với số nợ của bà L cho bà Nguyễn Thị Thùy M nên ngày 23/10/2020 bà M đã ký Giấy vay tiền với bà L. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà L trả lại tiền cho bà M, do lớn tuổi đi lại khó khăn nên bà xin được vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Hồng T đại diện trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn - bà Lư Thị Á Liên thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 5.810.307.037 đồng (Năm tỷ tám trăm mười triệu ba trăm lẻ bảy ngàn không trăm ba mươi bảy đồng), bao gồm: 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 2.860.307.037 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi triệu ba trăm lẻ bảy ngàn không trăm ba mươi bảy đồng).

- Bị đơn – bà Lư Thị Ái L đại diện trình bày: Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lư Ái L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy M số tiền nợ gốc còn thiếu là 1.248.000.000 đồng. Về lãi, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Lư Ái L trả cho bà Nguyễn Thị Thùy M số tiền gồm: lãi trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thùy M khởi kiện yêu cầu bị đơn – bà Lư Thị Á Liên thanh toán nợ gốc và lãi theo Giấy vay tiền ngày 23/10/2020. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Quận 5 có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự nêu trên.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Ngày 14/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 50/YC-VKS-DS về việc yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 5 tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai của người biết việc liên quan đến việc vay tiền giữa bà Lư Thị Ái L và bà Nguyễn Thị V gồm các ông bà: Nga, Vân Đ, H, Đ1, T4, H1, V1.

Nhận thấy, tại bản tự khai ngày 05/7/2023 bị đơn – bà Lư Thị Ái L xác nhận bà biết việc bà V (bà T2) vay mượn giúp bà từ những người như N, Vân Đ, H, Đ1, T4, H1, V1 với mức lãi suất như bà V trình bày, bà không biết những người này, không trực tiếp giao dịch với những người này mà hàng tháng đóng tiền lãi và gốc cho bà V. Bà nhận thấy mức lãi suất mà bà V vay mượn giúp bà là hơi cao nhưng do bà V mượn giúp bà nên bà chấp nhận.

Ngoài ra, tại các bản tự khai, bà Lê Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị T5, bà Ngô Thị H2, bà Trần Thị H3, bà Lê Thị V2 cũng xác định có cho bà V vay giúp cho bà L số tiền như bà V trình bày, tuy nhiên hiện nay bà Nguyễn Thị Thùy M đã nhận số nợ nêu trên và cam kết trả nợ. Các bà không trực tiếp giao dịch với bà L. Các bà không có tranh chấp gì với bà Lư Thị Ái L đối với số tiền này. Các bà đề nghị Tòa án không đưa các bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn trình bày nguồn gốc số tiền cho bị đơn vay theo Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 là toàn bộ tiền gốc và lãi phát sinh từ việc nguyên đơn vay mượn tiền giúp cho bị đơn. Bị đơn – bà Lư Thị Ái L cũng xác nhận nội dung nêu trên. Mặc dù nguồn gốc số tiền phát sinh từ giao dịch giữa bà V với bà Lê Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị T5, bà Ngô Thị H2, bà Trần Thị H3, bà Lê Thị V2 nhưng giữa các bên không phát sinh tranh chấp. Bà Lư Thị Ái L không có giao dịch trực tiếp với bà Lê Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị T5, bà Ngô Thị H2, bà Trần Thị H3, bà Lê Thị V2 và các bên cũng không phát sinh tranh chấp nào có liên quan đến vụ án. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét tính hợp pháp của Giấy vay tiền ngày 23/10/2020. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đưa bà Lê Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị T5, bà Ngô Thị H2, bà Trần Thị H3, bà Lê Thị V2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi còn thiếu theo Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị Thùy M với bên vay là bà Lư Thị Ái L. Nội dung Giấy vay tiền thể hiện bà M cho bà L vay số tiền 3.100.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm triệu đồng), lãi suất là 7%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn

thống nhất thời điểm ký Giấy vay tiền là ngày chốt công nợ, không phải ngày vay tiền. Sau khi ký Giấy vay tiền thì nguyên đơn xác nhận bị đơn đã thanh toán nợ gốc là 150.000.000 đồng ngày 15/12/2020, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất từ thời điểm ký Giấy vay tiền đến nay bị đơn không thanh toán khoản tiền lãi nào.

[4.2] Về tính hợp pháp của Giấy vay tiền ngày 23/10/2020: Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 có 3 trang giấy, trang số 1 và số 2 không có chữ ký của bà M và bà L, tại trang số 3 có chữ ký, chữ viết, dấu vân tay mang tên Nguyễn Thị Thùy M và Lư Thị Ái L, văn bản không có công chứng chứng thực.

Bị đơn thừa nhận chữ ký và dấu vân tay trong giấy vay tiền là của bà, tuy nhiên bà cho rằng nội dung trang số 1 và trang số 2 của Giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp không giống với nội dung Giấy vay tiền tại thời điểm bà ký. Tại phiên tòa ngày 29/11/2022, bà L đề nghị trưng cầu giám định dấu vân tay trên Giấy vay tiền. Theo Kết luận số 7362/KL-KTHS ngày 10/01/2023 xác định Dấu vân tay mang tên Lư Thị Ái L trên tài liệu giám định là Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 là dấu vân tay của bà Lư Thị Ái L và được lăn ra trực tiếp.

Về số tiền 3.100.000.000 đồng theo nội dung Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 bị đơn cho là không đúng. Tại phiên tòa, bị đơn xác nhận số nợ gốc mà bà nhờ bà V vay là đúng như nguyên đơn trình bày. Trước khi ký Giấy vay tiền, bị đơn có thanh toán tiền nợ cho bà V, nguyên đơn cũng đã xác nhận bị đơn có thanh toán 244.000.000 đồng và 88.000.000 đồng trước ngày 23/10/2020. Đến ngày 15/12/2020, bị đơn thanh toán thêm 150.000.000 đồng. Bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn có thanh toán thêm cho nguyên đơn hay bà V khoản tiền nào khác. Đối với tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền bà V vay giúp thì bị đơn xác nhận là không đúng do bà luôn đóng đầy đủ cho bà V theo tài liệu chứng cứ mà bà đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa ngày 29/11/2022, bị đơn cung cấp các sổ ghi chép về việc vay mượn và trả tiền nhưng thời gian ghi trong các sổ đều trước ngày 23/10/2020 là ngày ký Giấy vay tiền. Chữ viết trong các sổ ghi chép theo bị đơn xác định là do bị đơn tự ghi và không có chữ ký hay chữ viết nào của bà V thể hiện có nhận tiền của bị đơn. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà V cũng không thừa nhận nội dung này, xác định bà L không thanh toán khoản tiền lãi nào mà bà V là người đã trực tiếp thanh toán với những người cho vay tiền. Do đó, không có cơ sở xác định bị đơn có thanh toán đầy đủ nợ lãi như bị đơn trình bày. Hơn nữa, tại Biên bản hòa giải ngày 09/8/2022, bà L cũng thừa nhận nội dung Giấy vay tiền bà ký thì tổng số tiền là 3.100.000.000 đồng, chứng tỏ bà L có đọc rõ nội dung Giấy vay tiền trước khi ký. Bà L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có tồn tại Giấy vay tiền khác có nội dung khác với G vay tiền mà nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, bị đơn cho rằng bà bị ép buộc khi ký vào Giấy vay tiền này nhưng bị đơn không có chứng cứ chứng minh tại thời điểm đó bà bị lừa dối, ép buộc. Mặc dù bị đơn cho rằng đã không tự nguyện khi ký Giấy vay tiền nhưng sau đó không trình báo đến cơ quan chức năng hay cá nhân, tổ chức nào khác để can thiệp và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bản thân.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nội dung Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 là có thật và có giá trị pháp lý đối với các bên giao kết.

[4.3] Về thời hạn vay tiền và yêu cầu hoàn trả nợ gốc:

Theo thỏa thuận tại Điều 2 Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 thì thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày ký Giấy vay tiền, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự cũng xác định không có thỏa thuận nào khác về thời hạn vay tiền, do đó có cơ sở xác định thời hạn vay tiền theo Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 là ngày 23/02/2021. Đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho nguyên đơn dù thời hạn vay đã hết, căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho nguyên đơn là phù hợp.

Theo nguyên đơn trình bày, sau khi ký Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 thì ngày 15/12/2020 bà L đã trả 150.000.000 đồng tiền gốc nên đến nay số nợ gốc bà L còn thiếu làm tròn là 2.950.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng đã trả tiền gốc cho nguyên đơn nhưng không xác định được bao nhiêu và không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả bao nhiêu nợ gốc. Như đã nhận định ở trên, tại phiên tòa ngày 29/11/2022, bị đơn cung cấp các sổ ghi chép về việc vay mượn và trả tiền nhưng thời gian ghi trong các sổ đều trước ngày 23/10/2020 là ngày ký Giấy vay tiền. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định số tiền nợ gốc bị đơn còn thiếu là 2.950.000.000 đồng. Thời hạn vay đã hết, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền nợ gốc còn thiếu 2.950.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4.4] Về thỏa thuận lãi: Theo Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 hai bên thỏa thuận lãi suất là 7%, theo nguyên đơn và bị đơn xác nhận là 7%/tháng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay…

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

Do đó, phần lãi suất do các bên thỏa thuận trong Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 bị vô hiệu đối với phần lãi suất vượt quá 20%/năm. Do các bên không có tranh chấp về lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 466, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản sau:

- Lãi trên nợ gốc trong hạn đối với số tiền 3.100.000.000 đồng từ ngày 23/10/2020 đến ngày 15/12/2020 là: 3.100.000.000 đồng x 20%/năm x 53 ngày = 91.277.778 đồng.

- Lãi trên nợ gốc trong hạn đối với số tiền 2.950.000.000 đồng từ ngày 16/12/2020 đến ngày 23/02/2021 là: 2.950.000.000 đồng x 20%/năm x 69 ngày = 113.083.333 đồng.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn thanh toán với số tiền 2.950.000.000 đồng từ ngày 24/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/01/2024: 2.950.000.000 đồng x 30%/năm x 1.056 ngày = 2.596.000.000 đồng

- Lãi trên tiền lãi trong hạn chậm thanh toán với số tiền 204.876.712 đồng từ ngày 24/02/2021 đến ngày 16/01/2024: 204.361.111 đồng x 10%/năm x 1.056 ngày = 59.945.926 đồng.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể buộc bị đơn – bà Lư Thị Ái L phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy M nợ gốc là 2.950.000.000 đồng và nợ lãi tính phát sinh tính đến ngày 16/01/2024 tổng cộng là 2.860.307.037 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi triệu ba trăm lẻ bảy ngàn không trăm ba mươi bảy đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 không phù hợp với nhận định nêu trên nên không chấp nhận.

[7] Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, bị đơn phải chịu án án phí sơ thẩm nhưng bà Lư Thị Ái L là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 365, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thùy M về việc yêu cầu bị đơn - bà Lư Thị Á Liên thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi theo Giấy vay tiền ngày 23/10/2020.

1. Buộc bà Lư Thị Ái L phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy M tổng số tiền 5.810.307.037 đồng (Năm tỷ tám trăm mười triệu ba trăm lẻ bảy ngàn không trăm ba mươi bảy đồng), bao gồm: 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 2.860.307.037 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi triệu ba trăm lẻ bảy ngàn không trăm ba mươi bảy đồng) tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thùy M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 50.614.600 đồng (Năm mươi triệu sáu trăm mười bốn ngàn sáu trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009722 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn – bà Lư Thị Ái L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Bích Trâm